

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-PT  
Ngày 30-9-2021  
V/v tranh chấp thừa kế tài sản  
và quyền thờ cúng liệt sĩ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Vân Thúy

*Các Thẩm phán:* Bà Đặng Hồ Điệp

Bà Bùi Thị Thúy Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2021 về việc tranh chấp thừa kế tài sản và quyền thờ cúng liệt sĩ.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370/2021/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 382/2021/QĐPT-DS ngày 16 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đàm Văn T; nơi cư trú: Số 18, ngõ 99, HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; có mặt;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Phùng Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ nơi cư trú: Số 18, ngõ 99 HL, quận HB, thành phố Hải Phòng – Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 8 năm 2020; có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Đàm Văn L; nơi cư trú: Thôn Đông, xã L Động, huyện TN, Hải Phòng; có mặt;

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 8, xã HD, huyện TN, thành phố Hải Phòng -Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 8 năm 2020; có mặt;

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Văn phòng Công chứng DC; địa chỉ trụ sở: Số 28, phố HBT, phường AB, Quận LC, thành phố Hải Phòng.

*Người đại diện hợp pháp của Văn phòng Công chứng DC:* Ông Tạ Ngọc B là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 9 năm 2021; có mặt tại phiên tòa ngày 27/9/2021, vắng mặt ngày 30/9/2021 không có lý do.

2. Văn phòng Thừa phát lại AB; địa chỉ trụ sở: Số 36, đường Mường Tây Nam (Số 36/217 Miếu Hai Xã), phường Dư Hàng Kênh, Quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đàm Văn L.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:*

- *Nguyên đơn, ông Đàm Văn T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Cụ Đàm Văn S (chết năm 2019) và cụ Lê Thị T1 (chết năm 2016) sinh được ba người con gồm: Ông Đàm Văn T, Đàm Văn L và Đàm Văn B1 (là Liệt sĩ hy sinh năm 1980, không có vợ con). Ngoài ra, bố mẹ ông T không có con riêng, con nuôi, con nhận, ông bà hai bên nội, ngoại đều đã chết. Quá trình chung sống, bố mẹ ông T có tài sản chung là thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại thôn Đông, xã L Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện TN, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 29/12/2003, tổng diện tích là 1065m<sup>2</sup> đất ở đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Đàm Văn S; ngoài ra, bố mẹ ông T không còn tài sản nào khác. Sau khi các anh, em ông T trưởng thành có gia đình riêng thì đều ra ăn ở riêng không chung sống trên thửa đất cùng bố mẹ. Ông Đàm Văn B1 đi bộ đội hy sinh năm 1980 và được Nhà nước công nhận là Liệt sĩ và bố mẹ ông T trực tiếp thờ cúng, nhận và sử dụng toàn bộ chế độ tử tuất của liệt sĩ B1. Đến ngày 01/5/2016, cụ T1 chết không để lại di chúc, cụ S vẫn ăn ở trên thửa đất và trực tiếp trông nom thờ cúng liệt sĩ Đàm Văn B1, tiếp tục nhận chế độ của liệt sĩ, đến ngày 20/11/2019, cụ S chết. Khi hai cụ còn sống, vào ngày 30/5/2014, đã tổ chức họp gia đình có chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương là cán bộ tư pháp và địa chính cùng người làm chứng là ông Đàm Quang U (là em ruột của cụ S) về việc chia đất cho các con. Tuy nhiên, sau khi có biên bản họp gia đình, cụ S, cụ T1 vẫn ăn ở trên thửa đất và không chia cho ông T và ông L như nội dung biên bản. Sau khi bố mẹ ông T chết, toàn bộ tài sản nhà đất nói trên do ông T cùng ông L trông nom, quản lý. Ông T đã đứng ra tổ chức họp gia đình có cả họ hàng chứng kiến để thỏa thuận phân chia đất nhưng ông L không hợp tác. Ngày 20/5/2020, ông T được UBND xã L Động mời về họp hòa giải việc ông L tranh chấp quyền thừa kế thờ cúng liệt sĩ và chia đất đai nhưng cuộc họp hòa giải không thành. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

phân chia di sản thừa kế toàn bộ tài sản của cụ S, cụ T1 và ông T là con trưởng đề nghị giao quyền thờ cúng liệt sĩ Đàm Văn B1 theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T không đồng ý với nội dung bản di chúc ngày 28/02/2017 và bản di chúc ngày 01/3/2017 do ông L xuất trình. Ông T cho rằng ông cũng là con trai của cụ S, cụ T1; mẹ ông là cụ T1 chết ngày 01/5/2016 không để lại di chúc, vì vậy khi bố ông lập di chúc ông là con không được biết nên ông không đồng ý với nội dung bản di chúc. Căn cứ thời điểm lập di chúc thì cụ Đàm Văn S vẫn còn khỏe mạnh minh mẫn và tại T 4, có ghi phần người làm chứng đề ngày 28/02/2017 thời điểm đó di chúc chưa lập mà đã có chữ ký người làm chứng là không khách quan, không đảm bảo quyền lợi cho ông T.

Ông T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố bản di chúc do cụ Đàm Văn S viết tay đề ngày 28/02/2017 và bản di chúc ngày 01/3/2017, số công chứng 1436/DC/2017, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng DC là vô hiệu và phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để ông để lại tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại thôn Đông, xã L Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện TN, thành phố Hải Phòng cấp GCNQSD đất ngày 29/12/2003 theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao quyền thờ cúng liệt sĩ Đàm Văn B1, xem xét chế độ đối với liệt sĩ Đàm Văn B1 theo quy định của pháp luật. Vì kể từ khi cụ S chết ngày 20/11/2019 (dương lịch) đến nay ông T và ông L không thống nhất được việc ai là người trực tiếp thờ cúng Liệt sĩ Đàm Văn B1 cho nên các chế độ lễ, tết đối với Liệt sĩ chưa được thực hiện.

- *Bị đơn, ông Đàm Văn L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ huyết thống, về thời điểm cụ T1 và cụ S chết, về tài sản thuộc di sản thừa kế của hai cụ là quyền sử dụng thửa đất thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01 địa chỉ thôn Đông, xã L Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng cùng toàn bộ các tài sản gắn liền với đất và đã được UBND huyện TN cấp GCNQSDĐ đứng tên chủ sử dụng hộ cụ Đàm Văn S diện tích 1065m<sup>2</sup>. Đây là tài sản chung của hai cụ, không ai có công sức đóng góp gì nên tỷ lệ sở hữu, sử dụng của mỗi cụ là 50% giá trị bất động sản. Cụ Lê Thị T1 chết không để lại di chúc, di sản của cụ T1 là 50 % giá trị di sản được phân chia cho 03 người là cụ S, ông T, ông L mỗi người hưởng một phần bằng nhau tương ứng với 16,67% .

Ngày 01/3/2017, cụ Đàm Văn S đã lập bản di chúc, số công chứng 1436/DC/2017, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng DC thực hiện có chứng kiến của người làm chứng thể hiện ý chí của cụ S. Nội dung bản di chúc này không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, di chúc này được công chứng theo đúng trình tự quy định của pháp luật, thời điểm cụ S lập di chúc có đầy đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo chứng nhận của công chứng viên. Đối chiếu theo nội dung được ghi nhận tại di chúc nêu trên thể hiện ý chí của cụ S là sau khi cụ qua đời toàn bộ phần quyền sở hữu, sử dụng chung của cụ và phần thừa kế mà cụ được hưởng từ cụ T1 sẽ được chuyển cho ông L. Theo đó, ông L có quyền hưởng 50% giá trị di sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ S và 16,67% cụ S được hưởng thừa kế từ cụ T1, cộng là 66,67% khối di sản;

cộng với 16,67% giá trị di sản được hưởng của cụ T1, tổng cộng ông L được hưởng 83,34% giá trị khối di sản.

Quan điểm của bị đơn đối với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu khởi kiện như sau:

Về nội dung bản Vi bằng số 30/2020/BV-TPLAB ngày 19/3/2020 của Văn phòng thừa phát lại AB không ghi nhận đây có phải là di chúc miệng của cụ S hay không mà chỉ ghi nhận lời trình bày của ông T và bà Tìu nên không phải là di chúc miệng của cụ S nên không có giá trị pháp lý.

Đối với nội dung biên bản họp gia đình ngày 30/5/2014, tại thời điểm đó ông T không đồng ý với việc chia tách thửa đất, ngoài ra nội dung biên bản cũng chỉ lập nội bộ trong gia đình không có công chứng, chứng thực theo qU định, những người có liên quan cũng chưa làm thủ tục đăng ký đất đai, do vậy biên bản họp gia đình ngày 30/5/2014 không có giá trị pháp lý trong việc chia tách bất động sản đang tranh chấp.

Ngoài ra, theo nội dung bản di chúc ngày 01/3/2017 có ghi: *“Anh Đàm Văn L có nghĩa vụ thực hiện việc hương khói, thờ cúng ông bà tổ tiên, vợ chồng chúng tôi và anh Đàm Văn B1 theo đúng phong tục tập quán”*. Như vậy, theo chỉ định tại di chúc ông L là người có nghĩa vụ thực hiện toàn bộ việc hương khói, thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ cúng cụ S và cụ T1 đồng thời thờ cúng anh trai là liệt sĩ Đàm Văn B1 theo đúng phong tục tập quán. Thực tế, ông L là người trực tiếp chăm sóc hai cụ cho đến khi qua đời và cho đến nay vẫn là người trực tiếp hàng ngày thực hiện việc trông nom, chăm sóc bất động sản, thực hiện việc hương khói cho cụ S và cụ T1 cùng liệt sĩ B1.

Ông T khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật, đề nghị Tòa án công nhận tính hợp pháp của bản di chúc đã được công chứng viên văn phòng công chứng DC, thành phố Hải Phòng chứng nhận số 1436/DC/2017, qUền số 01/01TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 01/3/2017; công nhận qUền thừa kế theo pháp luật và qUền hưởng thừa kế theo di chúc hợp pháp của ông Đàm Văn L tương ứng với 83,34% giá trị bất động sản tại bản di chúc; công nhận việc ông Đàm Văn L là người được thực hiện việc thờ cúng liệt sĩ theo chỉ định của cụ Đàm Văn S và thực hiện việc đo đạc và phân chia ranh giới thửa đất theo đúng tỷ lệ ông Đàm Văn L được hưởng (theo nội dung bản di chúc do cụ Đàm Văn S lập ngày 01/3/2017).

- *Người có qUền lợi nghĩa vụ liên quan, Văn phòng Công chứng DC trình bày:* Ngày 28/2/2017, Văn phòng Công chứng nhận được đơn yêu cầu của người lập di chúc là cụ Đàm Văn S, văn phòng tiến hành kiểm tra, tra cứu, xác minh tính hợp pháp của tài sản công chứng nên việc ký di chúc được thực hiện vào ngày 01/3/2017 tại nhà riêng cụ Đàm Văn S, thôn Đông, xã L Động, hUận TN, thành phố Hải Phòng. Sau đó phát hiện bản di chúc có lỗi đánh máy, Công chứng viên đã đính chính theo qU định của Luật Công chứng. Về trình tự thủ tục lập di chúc trạng thái sức khỏe của người lập di chúc và người làm chứng cho người lập di chúc đã thể hiện đầy đủ trong nội dung di chúc và lời chứng của công chứng viên, việc

công chứng là hợp pháp nên có giá trị pháp lý và hiệu lực theo qU định của pháp luật.

- *Người có qUền lợi nghĩa vụ liên quan, Văn phòng thừa phát lại AB trình bày:* Vi bằng số 30/2020/VB-TPLAB ngày 19/3/2020 do thừa phát lại Đỗ Trung Chính lập ghi nhận lời trình bày của ông Đàm Văn T và bà Đàm Thị Tiu, vi bằng được lập vào ngày 19/3/2020 tại Văn phòng thừa phát lại AB. Tài liệu kèm theo vi bằng là hình ảnh đính kèm vi bằng 01 đĩa CD chứa nội dung ghi lại lời trình bày của ông Đàm Văn T và bà Đàm Thị Tiu như nội dung ghi nhận tại Vi bằng; 01 video ông T cung cấp và yêu cầu Thừa phát lại đính kèm cùng vi bằng. Như vậy, tại Vi bằng số 30/2020/VB-TPLAB ngày 19/3/2020 của Văn phòng thừa phát lại AB không ghi nhận đây có phải là di chúc miệng của cụ Đàm Văn S hay không mà chỉ ghi nhận lời trình bày của ông Đàm Văn T và bà Đàm Thị Tiu. Vi bằng này không có USB nào kèm theo, đề nghị Tòa án giải qUết vắng mặt Văn phòng Thừa phát lại AB theo qU định của pháp luật.

*\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 27/5/2021, Tòa án nhân dân hUện TN, thành phố Hải Phòng đã qUết định:*

Căn cứ khoản 5 và khoản 14 Điều 26; Điều 39, 91, 92, 94, 95, 97, 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 29, Điều 3, khoản 5 Điều 98, Điều 100, Điều 106, Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; khoản 2, Điều 5, Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 632, khoản 5, Điều 643, 649, 650, 651, 657, 660; khoản 2 và khoản 3 Điều 48, khoản 2, Điều 50 và Điều 56 Luật công chứng năm 2014; Điều Điều 4, Điều 21 của Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 và đoạn 3 - khoản 1 - Điều 2 Thông tư 16/2014 ngày 30/7/2014; khoản 1 Điều 15 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/PL ngày 09/12/2020; Nghị qUết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qU định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngUên đơn về việc Chia di sản thừa kế của cụ Đàm Văn S và cụ Lê Thị T1 chết đi để lại di sản là qUền sử dụng thửa đất có diện tích đất 1065,0m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại thôn Đông, xã L Động, hUện TN, thành phố Hải Phòng đã được UBND hUện TN, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận qUền sử dụng đất số T976779, sổ vào sổ cấp GCN 00198QSD/HP-TN-LĐ, ngày 29/12/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Đàm Văn S. Đo thực tế là 1080m<sup>2</sup> cho ông Đàm Văn T và ông Đàm Văn L mỗi người được hưởng ½ di sản.

1.1. Ông Đàm Văn T được toàn qUền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất là 202m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền với thửa đất gồm có: 02 gian nhà Ngng dưới (bếp + chứa đồ) ngói đỏ, cửa gỗ tap nền đất diện tích 28,7m<sup>2</sup> trị giá 8.610.000 đồng; 01 lối đi lợp tôn mạ màu 8m<sup>2</sup> trị giá 1.200.000 đồng; 01 gian nhà tắm lợp tấm đan bê tông diện tích 1,5m<sup>2</sup> trị giá 300.000 đồng; 01 nhà vệ sinh mái tôn proximãng 3m<sup>2</sup> trị giá 900.000 đồng; 01 bể nước trị giá 2.700.000 đồng; tường bao dài 29,48m trị giá 3.537.600 đồng; 16 cây cau trị giá 3.200.000 đồng; 01 cây ôi

250.000 đồng; 01 cây na 100.000 đồng có các mốc giới từ mốc 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 7A đến mốc 10 (có sơ đồ kèm theo).

1.2. Ông Đàm Văn T được qUền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất là 289m<sup>2</sup> cùng các tài sản gắn liền với đất gồm có: 33,56m tường bao xây gạch ba banh trị giá 4.027.000 đồng; 22 cây cau trị giá 4.400.000 đồng; 01 cây hồng trị giá 250.000 đồng; 01 cây bưởi trị giá 220.000 đồng; 01 cây xoài trị giá 400.000 đồng; 01 cây mít trị giá 320.000 đồng; 01 cây me trị giá 200.000 đồng có các mốc giới từ mốc 19, 20, 21, 6, 7, 8, 7A đến mốc 19 (có sơ đồ kèm theo).

1.3. Ông Đàm Văn L được qUền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất là 290m<sup>2</sup> và toàn bộ các tài sản gắn liền với thửa đất gồm có: 01 nhà cấp bốn 03 gian ngói xi măng, trần nhựa, nền láng xi măng, cửa gỗ tạp xây năm 1973 diện tích 53m<sup>2</sup> trị giá 31.800.000 đồng; 36,02m tường bao xây gạch ba banh trị giá 4.322.400đồng; 24 cây cau trị giá 4.800.000 đồng; 01 cây xoài trị giá 400.000 đồng; 01 cây hồng trị giá 250.000 đồng; 02 cây bưởi trị giá 440.000 đồng; 02 cây na trị giá 200.000 đồng; 01 cây khế trị giá 170.000 đồng có các mốc giới từ mốc 10, 9, 8, 7a đến mốc 10 (có sơ đồ kèm theo).

1.4. Ông Đàm Văn L được qUền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất là 299m<sup>2</sup> cùng các tài sản gắn liền với thửa đất gồm có 46,22m trị giá 5.546.000 đồng; 06 cây cau trị giá 1.200.000 đồng; 04 cây mít trị giá 1.280.000 đồng; 02 cây vải trị giá 400.000 đồng; 04 khóm chuối trị giá 800.000 đồng; 04 cây na trị giá 400.000 đồng có các mốc giới từ mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6 đến mốc 21 (có sơ đồ kèm theo).

2. Ông Đàm Văn L phải T toán cho ông Đàm Văn T giá trị chênh lệch về tài sản trên đất và qUền sử dụng đất là 707.386.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngUên đơn ông Đàm Văn T giao qUền thờ cúng liệt sĩ Đàm Văn B1 cho ông Đàm Văn T thực hiện. Ông Đàm Văn T phải có trách nhiệm đến UBND xã L Động và các cơ quan Nhà nước có thẩm qUền liên hệ làm thủ tục nhận khoản tiền chế độ thờ cúng của Liệt sĩ Đàm Văn B1 là 12.600.000 đồng và chế độ mai táng thân nhân liệt sĩ là 19.772.000 đồng theo qU định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tUên về án phí và qUền kháng cáo của các đương sự.

*\* Sau khi xét xử sơ thẩm:*

- Viện Kiểm sát nhân dân hUện TN, thành phố Hải Phòng đã có qUết định kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân hUện TN, thành phố Hải Phòng, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ngUên đơn. Chia di sản thừa kế của cụ T1 theo pháp luật; chia di sản thừa kế của cụ S và giao qUền thờ cúng liệt sĩ cho ông Đàm Văn L theo di chúc của cụ Đàm Văn S lập ngày 01/3/2017 tại Văn phòng Công chứng DC; ngoài ra, cấp sơ thẩm đã vi phạm về việc thu thập, đánh giá chứng cứ khi không xem xét tiến hành trưng cầu giám định USB có clip và vi bằng để đánh giá đó có phải di chúc miệng cuối cùng của cụ S

hay không làm căn cứ xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự và yêu cầu xác minh làm rõ sự chênh lệch về diện tích giữa hiện trạng với hồ sơ địa chính.

- Bị đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu: Công nhận tính hợp pháp của bản di chúc đã được Công chứng viên Văn phòng Công chứng DC chứng nhận; công nhận quyền hưởng thừa kế của ông L tương ứng với 83,34% giá trị bất động sản theo di chúc ngày 01/3/2017 của cụ Đàm Văn S và theo pháp luật đối với di sản của cụ T1; công nhận bị đơn là người được thực hiện việc thờ cúng theo đúng chỉ định của cụ Đàm Văn S theo di chúc.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên quyết định kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chia di sản thừa kế của cụ T1 theo pháp luật; chia di sản thừa kế của cụ S theo di chúc và giao quyền thờ cúng liệt sĩ cho ông Đàm Văn L theo di chúc của cụ Đàm Văn S lập ngày 01/3/2017 tại Văn phòng Công chứng DC. Đối với các kháng nghị khác đã được khắc phục ở cấp phúc thẩm nên không đặt ra.

- Bị đơn và người đại diện của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị chia di sản thừa kế của cụ S và cụ T1, theo đó đề nghị hưởng thừa kế theo di chúc tương ứng với 83,34% giá trị bất động sản, trong đó bao gồm 16,67% giá trị hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ T1 và 66,67% giá trị hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Đàm Văn S; công nhận bị đơn là người được thực hiện việc thờ cúng theo chỉ định của cụ Đàm Văn S đã nêu tại bản di chúc.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia di sản thừa kế theo pháp luật nhưng lại buộc ông Đàm Văn L phải trả cho ông Đàm Văn T khoản tiền chênh lệch lên tới 707.386.000 đồng không đảm bảo lẽ công bằng, không khách quan, không có tính nhân văn vì ông Đàm Văn L là người tuổi đã cao và là người khuyết tật nặng không có khả năng lao động, đang phải nhận trợ cấp sinh hoạt theo Quyết định về việc trợ cấp xã hội số 7112/QĐ-UBND ngày 30/09/2020 của Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng. Đề nghị thực hiện việc đo đạc và phân chia ranh giới thửa đất theo đúng tỷ lệ ông Đàm Văn L được hưởng tại bất động sản nêu trên. Đối với các công trình vật kiến trúc, cây cối hoa màu trên đất, nếu phân chia diện tích đất cho bên nào được quyền quản lý, sử dụng thì cũng được quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản nằm trên phần diện tích đất được chia và không bên nào phải T toán cho bên nào. Trước đây, UBND xã đã tiến hành hòa giải, kể cả về việc phân chia di sản và vấn đề thờ cúng liệt sĩ, theo đó giao cho mỗi bên ½ diện tích đất và giao cho ông L thờ cúng liệt sĩ, nhận các khoản chế độ liên quan đến việc thờ cúng liệt sĩ nhưng sau đó ông T thay đổi ý kiến, không đồng ý nên đến nay, bị đơn yêu cầu thực hiện theo bản di chúc. Bị đơn, nguyên đơn, họ tộc chưa bàn bạc và cũng không thống nhất được về việc cử người đại diện thờ cúng liệt sĩ; phòng Lao động thương binh xã hội huyện và Sở Lao động thương binh xã hội thành phố cũng chưa giải quyết việc này vì các bên chưa có đơn yêu cầu giải quyết. Nay, ông T khởi kiện yêu cầu được thờ cúng liệt sĩ, bị đơn không đồng ý, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khi nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản và quyền thờ cúng liệt sĩ Đàm Văn B1, không yêu cầu giải quyết chế độ đối đãi của Nhà nước đối với người có công, TAND cấp sơ thẩm lại quyết định giải quyết cả phần tiền chế độ gia đình người có công gồm 12.600.000 đồng (tiền thờ cúng liệt sĩ) và 19.772.000 đồng (tiền tuất của thân nhân liệt sĩ) mà hiện UBND xã L Động hiện chưa chi trả là vi phạm. Đề nghị miễn, giảm án phí cho ông Đàm Văn L (nếu phải nộp) theo quy định của pháp luật do là người khuyết tật nặng.

- Nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và trình bày: Đề nghị không công nhận bản di chúc ngày 28/02/2017 và bản di chúc ngày 01/3/2017 do ông L xuất trình vì bản di chúc ngày 01/3/2017 vi phạm trình tự thủ tục; mặt khác, đó không phải ý chí của cụ S, cụ S đã già yếu không thể tự có đơn yêu cầu văn phòng công chứng lập di chúc; văn phòng công chứng đính chính sửa chữa về mặt thời gian sau khi đã cung cấp bản sao bản di chúc cho Tòa án là vi phạm Luật công chứng. Đề nghị phân chia di sản của cụ S và cụ T1 theo pháp luật cho các thừa kế của hai cụ là ông T và ông L; diện tích đất chia cho bên nào được quyền quản lý, sử dụng thì bên đó cũng được quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản nằm trên phần diện tích đất được chia và không bên nào phải T toán tiền cho bên nào. Đối với trách nhiệm thờ cúng và hưởng các chế độ liên quan đến việc thờ cúng liệt sĩ đề nghị giao cho ông T vì ông T vừa là trưởng, vừa là người có trách nhiệm trong mọi việc của họ tộc, gia đình, tìm và đưa hài cốt liệt sĩ B1 trở về cũng như lo toan tổ chức lễ phúng viếng, an táng liệt sĩ tại quê nhà. Nguyên đơn chưa có đơn yêu cầu các cơ quan hành chính giải quyết việc thờ cúng liệt sĩ vì cho rằng trong gia đình ông T và ông L là anh em ruột của liệt sĩ không thống nhất được với nhau nên mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Văn phòng Công chứng DC, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm: Ngày 28/2/2017, Văn phòng Công chứng DC nhận được Đơn yêu cầu công chứng di chúc của cụ Đàm Văn S lúc 16 giờ 30 phút; Văn phòng công chứng đã tiến hành xem xét tra cứu tài sản yêu cầu công chứng theo quy định của pháp luật và có kết quả trả lời hồi 17 giờ 30 phút ngày 28/7/2012 thấy có căn cứ để công chứng do tài sản không bị cầm cố, thế chấp hay tranh chấp nên đã tiến hành soạn thảo di chúc để công chứng, chứng thực. Do có nhầm lẫn trong quá trình soạn thảo nên đã có sai sót ghi tại T người làm chứng cho việc lập di chúc ngày 28/2/2017 (đáng lẽ phải ghi là ngày 01/3/2017) và công chứng viên đã phát hiện, đính chính đúng quy định, trong hồ sơ không thể hiện thời gian đính chính nên phù hợp với Điều 43 Luật Công chứng. Việc công chứng di chúc thể hiện ý chí định đoạt của người có tài sản và phù hợp các Điều 324, 325, 326, 327, 630, 631, 634, 635, 639 Bộ luật Dân sự nên phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý. Sau đó, cụ S chưa có bất cứ văn bản có nội dung ghi là hủy bỏ di chúc nên đến nay bản di chúc ngày 01/3/2017 vẫn có giá trị pháp lý và hiệu lực để thực hiện.

Tại phiên tòa ngày 27/9/2021, các bên đương sự, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xem xét lại hiện trạng sử dụng đất đồng thời để có phương án phân chia lại di sản thừa kế cho các bên theo quy định của pháp luật và phân chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất để không bên nào phải T toán tiền



cho bên nào. Hội đồng xét xử đã qUết định tạm ngừng phiên tòa. Ngày 30/9/2021, phiên tòa tiếp tục: Các đương sự giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên. Đại diện Văn phòng Công chứng DC vắng mặt không có lý do.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải qUết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn, người có qUền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Từ việc đánh giá các nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân hUện TN là có căn cứ cũng cần xem xét, chấp nhận các nội dung kháng cáo của ông Đàm Văn L. Đối với kháng cáo về việc xác minh thu thập chứng cứ đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm nên không đặt vấn đề xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân hUện TN và kháng cáo của bị đơn là ông Đàm Văn L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Đàm Văn T về việc chia di sản thừa kế của cụ Đàm Văn S và cụ Đàm Thị T1 để lại là qUền sử dụng diện tích 1080m<sup>2</sup> tại thửa số 225, tờ bản đồ 01, tại thôn Đông, xã L Động, TN, Hải Phòng. Theo đó, chia di sản thừa kế của cụ T1 theo pháp luật, của cụ S theo di chúc ngày 01/3/2017: Ông T được hưởng diện tích 180m<sup>2</sup> đất; ông L được hưởng 900m<sup>2</sup> đất; tại phiên tòa, ông T và ông L thống nhất có trách nhiệm tài sản, công trình trên đất giao cho ai hưởng không phải T toán cho nhau, cần chấp nhận. Giao qUền thờ cúng Liệt sĩ Đàm Văn B1 cho ông Đàm Văn L trực tiếp thờ cúng như nội dung di chúc của cụ S; việc Tòa án sơ thẩm xem xét, đánh giá và giải qUết cả khoản tiền chế độ của gia đình người có công và tiền mai táng của thân nhân liệt sĩ là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm qU định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên cần xem xét sửa đổi phần nội dung này cho đảm bảo đúng qU định của pháp luật. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đàm Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm qUền giải qUết của Tòa án: Ông Đàm Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là diện tích đất 1065m<sup>2</sup> cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại thôn Đông, xã L Động, hUện TN, thành phố Hải Phòng và qUền thờ cúng liệt sĩ được qU định tại khoản 5 và khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm qUền giải qUết của Tòa án. Ngoài ra, ông T còn yêu cầu Tòa án giải qUết công nhận ông là người có qUền thờ cúng liệt sĩ.

[2] Xét thủ tục kháng cáo, kháng nghị: Bị đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm và Viện Kiểm sát nhân dân hUện TN, thành phố Hải Phòng kháng nghị phúc thẩm đều trong thời hạn luật định nên hợp pháp.

- Xét kháng cáo của bị đơn về việc phân chia di sản thừa kế:

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định về qUền thừa kế, về thời điểm và địa điểm mở thừa kế, về hàng thừa kế, về thời hiệu thừa kế là có căn cứ và đúng qU định của pháp luật.

[4] Về nguồn gốc di sản:

[4.1] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai các đương sự đều thống nhất xác định: Thừa đất số 225, tờ bản đồ số 01, tại thôn Đông, xã L Động, hUện TN, thành phố Hải Phòng đã được UBND hUện TN, thành phố Hải Phòng đã cấp GCNQSDĐ ngày 29/12/2003, đứng tên chủ sử dụng hộ cụ Đàm Văn S với diện tích 1065m<sup>2</sup>; trong đó, có 200m<sup>2</sup> đất ở và 865m<sup>2</sup> đất vườn là di sản của cụ Đàm Văn S và cụ Lê Thị T1 để lại.

[4.2] Quá trình giải qUết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và thành lập hội đồng định giá tài sản tranh chấp ngày 21/8/2020 thể hiện: Hiện trạng thửa đất đo thực tế là 1080m<sup>2</sup> tăng 15m<sup>2</sup> so với diện tích được công nhận trong GCNQSDĐ. NgUên nhân tăng so với Giấy chứng nhận được cấp là sai số do đo vẽ tại thời điểm cấp CCNQSDĐ cán bộ chUên môn thực hiện việc đo vẽ bằng phương pháp thủ công (đo bằng thước dây); tại thời điểm tranh chấp giữa các bên thì việc đo vẽ được thực hiện bằng máy nên có độ chính xác cao hơn; các hộ giáp ranh không có tranh chấp, diện tích đất tăng không làm thiệt hại đến qUền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên sự chênh lệch diện tích 15m<sup>2</sup> đất này là khách quan không thuộc trách nhiệm của cơ quan nào. Mặt khác, kết quả xác minh ranh giới, mốc giới thửa đất của cụ S và cụ T1 sử dụng không có gì thay đổi so với ranh giới, mốc giới thửa đất tại thời điểm cấp GCNQSDĐ, trước đây các thửa giáp ranh là bờ tre, bờ rào nay đã xây bờ bao, không có tranh chấp với hộ liền kề là gia đình bà Mạc Thị Đông (vợ ông Cao Văn Tèo) và hộ ông Đàm Văn Quang. Theo cung cấp của chính qUền địa phương, diện tích đất dôi dư này nếu không có tranh chấp đối với các hộ liền kề có thể xem xét cấp bổ sung GCNQSDĐ theo qU định của pháp luật. Đối với diện tích đất vườn nếu đủ điều kiện có thể xem xét chUẩn đổi mục đích sử dụng thành đất ở theo qU định của pháp luật trên cơ sở xem xét nguồn gốc sử dụng đất và các tài liệu địa chính khác.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ qU định tại khoản 5 Điều 98 và Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 để công nhận qUền sử dụng hợp pháp đối với phần diện tích đất chênh lệch 15m<sup>2</sup> và xác định toàn bộ qUền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ S và cụ T1 để lại là 1080m<sup>2</sup> đất (trong đó, theo GCNQSDĐ có 200m<sup>2</sup> đất ở) thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01 tại thôn Đông, xã L Động, hUện TN, thành phố Hải Phòng là phù hợp với qU định của pháp luật.

[5] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án xác minh thu thập, liên quan đến việc định đoạt khối tài sản chung của cụ T1 và cụ S thể hiện:

[5.1] Biên bản họp gia đình ngày 30/5/2014 thành phần tham gia gồm có: Cụ S, cụ T1, ông T, ông L và người làm chứng là ông Đàm Quang U (là em ruột của cụ S) nội dung thể hiện: Cụ S, cụ T1 chia đất như sau: “Đàm Văn T 156,8m<sup>2</sup>; Đàm Văn L 156,8m<sup>2</sup>; Đàm Văn S 159,2m<sup>2</sup>” và ghi rõ vị trí đất của mỗi người; “số còn lại 592,2m<sup>2</sup> ông S và hai con thống nhất bán đi để ông, bà dưỡng già”. Các đương sự thống nhất trình bày, mặc dù có biên bản họp gia đình ngày 30/5/2014 nhưng cụ S, cụ T1 vẫn ăn ở, quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất và không phân chia, không thực hiện nội dung biên bản ngày 30/5/2014. Cụ T1 chết năm 2016, cụ S vẫn quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất.

[5.2] Ngày 28/02/2017, cụ S có bản di chúc viết tay. Xét Bản di chúc viết tay ngày 28/02/2017 gồm 02 T nhưng không được ghi số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc nên theo qU định tại Điều 633 và khoản 3 Điều 631 Bộ luật Dân sự thì bản di chúc này không đảm bảo về mặt hình thức.

[5.3] Ngày 01/3/2017, công chứng viên thuộc Văn phòng công chứng DC đã thực hiện việc lập di chúc bằng văn bản và công chứng tại nơi ở của cụ S, có 01 người làm chứng là chị NgUễn Thị Ngọc; phần đầu bản di chúc này được ghi “ngày 01/3/2017”, phần cuối T 04 ghi: “...ngày 28/02/2017...”. Văn phòng công chứng DC trình bày sai sót này do lỗi đánh máy đã ghi nhầm ngày là 28/2/2017, công chứng viên đã sửa chữa đính chính phần cuối là phù hợp Luật Công chứng. NgUên đơn cho rằng việc đính chính ngày như trên là vi phạm và quá thời hạn qU định vì chỉ khi Tòa án giải qUết vụ án văn phòng công chứng mới đính chính di chúc. Xét thấy, quá trình giải qUết vụ án, các đương sự đều thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong bản di chúc là của cụ S. Chị NgUễn Thị Ngọc khẳng định di chúc đã được ghi chép chính xác, thể hiện đúng ý chí của cụ S và cụ đã ký tên, điểm chỉ vào bản di chúc trước sự chứng kiến của chị Ngọc và công chứng viên. Những sai sót, nhầm lẫn trên không làm ảnh hưởng đến bản chất và nội dung của bản di chúc và phù hợp qU định tại các điều 44, 48 và Điều 50 của Luật Công chứng và các Điều 624, 625, 626, 627, 630, 631, 632, 634, 635, 639 Bộ luật Dân sự.

[5.4] TU nhiên, theo qU định tại khoản 1 Điều 640 của Bộ luật Dân sự: “Người lập di chúc có qUền sửa đổi, bổ sung, thay thế và hủy bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào” thể hiện cụ thể như sau: Ngày 29/5/2017, cụ Đàm Văn S có Đơn đề nghị UBND xã L Động với nội dung: *“Năm 1972 vợ chồng tôi từ T Hóa về quê có mua mảnh đất để ở với diện tích 1065m<sup>2</sup> cho đến nay tuổi đã cao sống một mình căn nhà vợ chồng tôi làm từ năm 1973 đã xuống cấp vì điều kiện kinh tế các con tôi còn khó khăn nên không thể giúp gì được vậy tôi bàn với các con để bán đi ít đất xây dựng nhà ở cuối đời và thờ cúng vợ tôi và con trai tôi nhưng con trai tôi T không cho bán để giải qUết trong gia đình sau này không có sự tranh chấp xảy ra, vậy tôi đề nghị các ban ngành giúp đỡ tôi chia thừa kế đất cho từng thành viên trong gia đình...”*. Tại Biên bản giải qUết đơn kiến nghị của công dân ngày 03/6/2017 của UBND xã L Động có ghi nội dung: *“...Ngày 30/5/2014 khi vợ tôi bà Lê Thị T1 còn sống gia đình tôi đã thống nhất họp gia đình chia tách đất cho các thành viên trong gia đình còn phần đất phía sau chUển nhượng để dưỡng già hoặc xây nhà thờ cúng...”*. Ông T, ông L, cụ S đều có mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy đơn đề nghị ngày 29/5/2017 của cụ S và biên bản giải quyết đơn kiến nghị của công dân ngày 03/6/2017 tại UBND xã L Động là các văn bản, tài liệu sau thời điểm lập di chúc ngày 01/3/2017 đã thể hiện sự thay đổi về ý chí định đoạt tài sản và là ý chí cuối cùng của cụ S đối với khối di sản nói trên. Cụ S đã thay đổi quan điểm về việc phân chia thừa kế theo di chúc ngày 01/3/2017 là yêu cầu chia “*đất cho từng thành viên trong gia đình*” theo quy định của pháp luật và còn phần đất phía sau chừa nhường để để dưỡng già và nơi thờ cúng. Ý chí và nguyện vọng này của cụ S cũng phù hợp với biên bản họp gia đình ngày 30/5/2014 khi cụ T1 còn sống, cho thấy ý nguyện của các cụ cũng mong muốn chia đều đất cho các con và các thành viên trong gia đình và lo toan cuộc sống khi về già, “*để giải quyết trong gia đình sau này không có sự tranh chấp xảy ra*”. Ông T và ông L cũng đã từng đồng ý với ý nguyện này của hai cụ thể hiện tại các Biên bản giải quyết đơn kiến nghị của công dân ngày 03/6/2017 là chia đất theo ý nguyện của cụ S và biên bản hòa giải ngày 20/5/2020 tại UBND xã L Động là chia đều thừa đất cho hai anh em (50/50).

Với quan điểm, ý kiến nêu tại đơn đề nghị ngày 29/5/2017 và Biên bản giải quyết đơn kiến nghị của công dân ngày 03/6/2017 cho thấy người lập di chúc là cụ S bằng ý chí tự nguyện của mình đã thay đổi một phần di chúc về nội dung phân chia tài sản đã lập trước đó nêu tại bản di chúc ngày 01/3/2017. Các thừa kế của cụ S và pháp luật cần tôn trọng sự thay đổi ý nguyện của cụ S vì theo quy định, người lập di chúc có quyền thay đổi ý nguyện bất cứ lúc nào trong khi họ còn sống. Do đó, di chúc ngày 01/3/2017 do cụ S lập tại Văn phòng Công chứng DC về phần phân chia di sản thừa kế đã bị thay đổi nên phần di chúc đã bị sửa đổi sẽ không còn hiệu lực pháp luật. Nay, cụ S chết, các thành viên trong gia đình chỉ còn ông T và ông L nhưng hai bên không thống nhất được việc phân chia di sản. UBND xã L Động đã tiến hành hòa giải, các đương sự cũng đã từng thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản theo pháp luật cho mỗi người được hưởng 50% diện tích đất, song sau đó lại thay đổi ý kiến.

[5.5] Từ phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy, cần chia di sản của cụ S và cụ T1 theo quy định của pháp luật cho các thừa kế của hai cụ là ông T và ông L là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng diện tích đất theo hiện trạng là 1080m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01, tại thôn Đông, xã L Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ S và cụ T1 hiện có ông T và ông L nên mỗi người được hưởng 1/2 di sản thừa kế và buộc T toán chênh lệch giá trị tài sản là phù hợp với quy định tại các Điều 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự.

TU nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chia mỗi người được hưởng 1/2 giá trị di sản là 3.822.263.000 đồng và phân chia cho ông Đàm Văn T được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất là 491m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền với thửa đất; chia cho ông Đàm Văn L được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt diện tích đất là 589m<sup>2</sup> và toàn bộ các tài sản gắn liền với thửa đất. Ông T được hưởng tổng giá trị di sản còn thiếu so với kỹ phần thừa kế và ông L được hưởng thừa so với kỹ phần thừa kế là 354.649.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông Đàm Văn L phải T

toán cho ông Đàm Văn T giá trị chênh lệch về tài sản trên đất và qUền sử dụng đất là 707.386.000 đồng là không đúng. Đáng lẽ, cần sửa lại là buộc ông L phải T toán giá trị chênh lệch tài sản cho ông T số tiền là 354.649.000 đồng. Song tại cấp phúc thẩm, ông L có văn bản và trình bày do ông là người khuyết tật không có khả năng T toán bằng tiền nên đề nghị tính giá trị bằng đất. Ông T cũng thống nhất đề nghị phân chia di sản bằng đất để không bên nào phải T toán tiền cho bên nào và không đề nghị tính giá trị công trình, kiến trúc, cây cối trên đất để T toán bù trừ cho nhau mà giao diện tích đất cho ai thì người đó được hưởng tài sản trên đất nên cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các bên đương sự.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ngày 21/8/2020 và Hội đồng định giá đã đưa ra kết luận định giá tài sản ngày 10/9/2020 đối với tài sản trên thửa đất và giá đất tại khu vực thôn Đông, xã L Động, hUện TN, thành phố Hải Phòng theo giá trên thị trường tại thời điểm tranh chấp là: 7.000.000 đồng/m<sup>2</sup>.

[7] Tại cấp phúc thẩm, các đương sự thống nhất đề nghị về giá trị qUền sử dụng đất như đã định giá; về trị giá các tài sản, công trình, vật kiến trúc và cây cối hoa màu trên đất do các công trình đã quá cũ, một số cây đã chết do sâu bệnh, giá trị không lớn nên không yêu cầu xem xét, thẩm định, định giá lại. Về diện tích đất, sau khi xem xét thẩm định lại, về cơ bản vẫn giữ nguyên hiện trạng như cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định.

[8] Về phân chia di sản:

[8.1] Theo kết quả thẩm định, diện tích đất hiện trạng là 1080m<sup>2</sup> tăng 15m<sup>2</sup>. Theo cung cấp của chính qUền địa phương nguyên nhân là sai số do đo vẽ tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cán bộ chUên môn thực hiện việc đo vẽ bằng phương pháp thủ công (đo bằng thước dây); tại thời điểm tranh chấp giữa các bên thì việc đo vẽ được thực hiện bằng máy nên có độ chính xác cao; ranh giới, mốc giới thửa đất của cụ S và cụ T1 sử dụng không có gì thay đổi so với thời điểm cấp GCNQSDĐ, không có tranh chấp với hộ liền kề; diện tích đất tăng không làm thiệt hại đến qUền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên sự chênh lệch diện tích 15m<sup>2</sup> đất này là khách quan. Do vậy, cần xác định di sản thừa kế của cụ T1 và cụ S theo hiện trạng là 1080m<sup>2</sup> đất, trên đất có các tài sản, công trình và cây cối. Căn cứ vào hiện trạng nhà đất và các công trình kiến trúc trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia thừa kế bằng hiện vật cho các đương sự là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất đề nghị phân chia di sản bằng hiện vật là qUền sử dụng đất để không bên nào phải T toán tiền chênh lệch cho bên nào vì cả hai bên đều khó khăn không có điều kiện T toán bằng tiền cho nhau. Xét đề nghị của các bên là có căn cứ và phù hợp do diện tích đất rộng, có hai mặt ngõ, đủ điều kiện để chia tách thửa nên cần sửa án sơ thẩm về việc chia diện tích đất cho mỗi bên.

[8.2] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện Kiểm sát về việc phân chia di sản của cụ S theo di chúc; cần sửa lại bản án sơ thẩm về việc phân chia diện tích đất, cụ thể chia di sản thừa kế của cụ T1 và cụ S theo pháp luật cho các thừa kế là ông T và ông L, mỗi bên đương sự được hưởng 50% diện tích đất.

Theo GCNQSD đất đứng tên cụ S có ghi diện tích đất được cấp là 1065m<sup>2</sup> đất trong đó có 200 m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất vườn không xác định rõ vị trí đất ở và đất vườn. Theo chính quyền địa phương cung cấp, thửa đất này có thể xem xét cấp đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với từng loại đất vườn dựa trên nguồn gốc sử dụng và các quy định khác. Do vậy khi phân chia thừa kế là quyền sử dụng theo hiện trạng 1080 m<sup>2</sup> đất, cần tính đều tỷ lệ đất ở đối với mỗi thửa, còn lại là đất vườn. Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế (có trích đo kèm theo) như sau:

- Chia cho ông Đàm Văn T được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 540m<sup>2</sup>; trị giá là 3.780.000.000 đồng, trong đó có:

+ Diện tích 202m<sup>2</sup> đất (ghi thừa số 225C); trong đó, có 50m<sup>2</sup> đất ở, 152 m<sup>2</sup> đất vườn; kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 7A, 9, 10. Trên đất có các tài sản gồm: 02 gian nhà Ngng dưới (bếp + chứa đồ) ngói đỏ, cửa gỗ tạp nền đất diện tích 28,7m<sup>2</sup>; 01 lối đi lợp tôn mạ màu 08m<sup>2</sup>; 01 gian nhà tắm lợp tấm đan bê tông diện tích 1,5m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh mái tôn proximăng 03m<sup>2</sup>; 01 bể nước; tường bao và một số cây cối trên đất;

+ Diện tích 338m<sup>2</sup> đất (ghi thừa số 225B); trong đó, có 50m<sup>2</sup> đất ở, 288 m<sup>2</sup> đất vườn; kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 18, 19, 20, 5, 6, 7, 7A, 18. Trên đất có các tài sản gồm: Tường bao xây gạch ba banh, một số cây cối như cau, hồng, bưởi xoài, me.

- Ông Đàm Văn L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 540m<sup>2</sup>; trị giá là 3.780.000.000 đồng, trong đó có:

+ Diện tích 290m<sup>2</sup> đất (ghi thừa số 225D); trong đó, có 50m<sup>2</sup> đất ở, 240 m<sup>2</sup> đất vườn; kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 9, 7A, 7, 8, 9. Trên đất có tài sản gồm: 01 nhà cấp bốn 03 gian ngói xi măng, trần nhựa, nền láng xi măng, cửa gỗ tạp xây năm 1973 diện tích 53m<sup>2</sup>; tường bao xây gạch ba banh; một số cây cau, xoài, hồng, bưởi, na, khế.

+ Diện tích 250m<sup>2</sup> đất vườn (ghi thừa số 225A); trong đó, có 50m<sup>2</sup> đất ở, 200 m<sup>2</sup> đất vườn; kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 20, 1. Trên thửa đất có tường bao, một số cây như cau, mít, vải thiều, chuối, na.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, điều chỉnh biến động và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia theo quy định của pháp luật. Ông Đàm Văn L là người đang quản lý bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nghĩa vụ nộp Giấy chứng nhận cho cơ quan nhà nước để thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định.

[9] Xét yêu cầu khởi kiện về việc thờ cúng liệt sĩ: Tài liệu, chứng cứ thể hiện Liệt sĩ Đàm Văn B1 là con trai của cụ Đàm Văn S và cụ Lê Thị T1 hy sinh năm 1980 được Nhà nước tặng Bằng tổ quốc ghi công và liệt sĩ B1 không có vợ con nên toàn bộ chế độ thương binh, liệt sĩ từ trước cho đến nay do cụ S và cụ T1 là bố mẹ đẻ được hưởng và thực hiện việc thờ cúng liệt sĩ theo đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác minh tại UBND xã L Động thể hiện: Năm 2016, cụ T1 chết, cụ S tiếp tục lĩnh các chế độ và thờ cúng liệt sĩ B1; đến năm 2019, cụ S chết, ông T và ông L là anh em ruột của liệt sĩ Đàm Văn B1 không thống nhất được với nhau về việc thờ cúng. Đối với khoản trợ cấp thờ cúng liệt sĩ Đàm Văn B1 từ sau khi cụ S chết, xảy ra tranh chấp giữa ông T và ông L, UBND xã L Động đã có thông báo gửi đến ông T và ông L về các khoản quà tết, ngày 27/7 năm 2020 và 2021 tổng cộng là 12.600.000 đồng và 19.772.000 đồng tiền mai táng thân nhân liệt sĩ và tiến hành hòa giải yêu cầu gia đình cử người nhận. Tại biên bản hòa giải ngày 20/5/2021, ông T và ông L cũng đã thỏa thuận nhưng ông T thay đổi ý kiến nên chưa cử được người đại diện thờ cúng liệt sĩ và nhận các chế độ thờ cúng.

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T giao quyền thờ cúng liệt sĩ Đàm Văn B1 cho ông T thực hiện và ông T được lĩnh, hưởng chế độ thờ cúng liệt sĩ, tiền mai táng thân nhân liệt sĩ là không đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ theo quy định của pháp luật, Tòa án chỉ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về quyền dân sự bao gồm quyền về tài sản và quyền nhân thân; việc thờ cúng là quyền tâm linh.

Theo Điều 4 Nghị định 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng tại khoản 3, 4 quy định:

*“3. Người thờ cúng là người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.*

*4. Người thờ cúng liệt sĩ là người con hưởng chế độ thờ cúng liệt sĩ; trường hợp không có hoặc không còn con thì là người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.”*

Theo Điều 11 Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 hướng dẫn về thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ:

*“1. Người thờ cúng liệt sĩ có trách nhiệm lập và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú:*

*a) Đơn đề nghị hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;*

*b) Biên bản ủy quyền (Mẫu UQ).*

*2. Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ hợp lệ, có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.*

*3. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ hợp lệ, có trách nhiệm tổng hợp, lập danh sách kèm giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.*

*4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ giấy tờ hợp lệ, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu hồ sơ gốc của liệt sĩ đang quản lý, ra quyết định trợ cấp thờ cúng”*

*5. Trường hợp người thờ cúng liệt sĩ chết hoặc không tiếp tục thờ cúng liệt sĩ thì cá nhân khác được gia đình, họ tộc của liệt sĩ ủy quyền thờ cúng liệt sĩ thực hiện thủ tục theo quy định tại Khoản 1 Điều này.”*

Như vậy, trường hợp liệt sĩ không có hoặc không còn con thì một người đại diện được gia đình hoặc họ tộc liệt sĩ thống nhất ủy quyền bằng biên bản sẽ là người thờ cúng liệt sĩ hợp pháp và được hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. Vì vậy, việc xác định người đại diện là do gia đình liệt sĩ hợp, thống nhất, lập văn bản ủy quyền. Biên bản ủy quyền được lập theo mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH nêu trên. Trên cơ sở đó, Sở Lao động Thương binh và Xã hội có quyết định điều chỉnh chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ cho một người theo sự thống nhất ủy quyền của thân tộc, anh em gia đình liệt sĩ. Các đương sự đều thống nhất trình bày, gia đình thân tộc của liệt sĩ Đàm Văn B1 chưa có văn bản thống nhất ủy quyền, chưa có đơn đề nghị cơ quan quản lý hành chính nhà nước lập hồ sơ để giải quyết việc thờ cúng và hưởng các chế độ thờ cúng mà ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là không đúng. Tòa án không có thẩm quyền giải quyết việc chỉ định người thờ cúng liệt sĩ và các chế độ liên quan đến việc thờ cúng liệt sĩ, mai táng phí đối với thân nhân liệt sĩ. Các đương sự có quyền liên hệ và yêu cầu Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng xem xét và giải quyết về quyền thờ cúng liệt sĩ Đàm Văn B1 theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền thờ cúng liệt sĩ và yêu cầu giải quyết các khoản chế độ đãi ngộ của Nhà nước đối với liệt sĩ Đàm Văn B1.

[10] Về công tác trợ giúp pháp lý: Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ông L là người khuyết tật và được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 7712/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của UBND huyện TN nên theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý thì cần phải chỉ định trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự tại Tòa án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục trên. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, ông L từ chối người trợ giúp pháp lý, không yêu cầu Tòa án cử Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông và ông L cũng đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng là đã đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về thủ tục trên.

- Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát:

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chia di sản thừa kế của cụ S theo di chúc và giao quyền thờ cúng liệt sĩ cho ông Đàm Văn L như nội dung di chúc ngày 01/3/2017; việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cả khoản tiền chế độ thờ cúng liệt sĩ, tiền tuất của thân nhân liệt sĩ là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã nhận định ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận di chúc của cụ S để lại và chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền thờ cúng liệt sĩ không thuộc



thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trên của nguyên đơn và không đặt vấn đề xem xét, giải quyết về chế độ thờ cúng liệt sĩ và mai táng phí đối với thân nhân liệt sĩ trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện Kiểm sát.

[12] Đối với kháng nghị về việc cấp sơ thẩm vi phạm về việc thu thập, đánh giá chứng cứ về diện tích đất hiện trạng dôi dư so với GCSQSD đất: Nhận thấy, kháng nghị của Viện Kiểm sát về vấn đề này là có căn cứ. TU nhiên đã được khắc phục tại cấp phúc thẩm, tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến không đề nghị xem xét giải quyết.

[13] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN về việc giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản thừa kế và hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng về yêu cầu thờ cúng liệt sĩ.

- Về án phí:

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy, ông T là người cao tuổi, ông L là người khuyết tật nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[15] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, ông Đàm Văn L và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng về yêu cầu chia thừa kế tài sản: Chia di sản thừa kế của cụ Đàm Văn S và cụ Lê Thị T1 là quyền sử dụng 1080m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 01 tại thôn Đông, xã L Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện TN, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T976779, sổ vào sổ cấp GCN 00198QSD/HP-TN-LĐ ngày 29/12/2005 đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Đàm Văn S. Chia cụ thể như sau:

1.1. Ông Đàm Văn T được qUền quản lý, sử dụng diện tích đất là 540m<sup>2</sup>; trị giá là 3.780.000.000 đồng, trong đó có:

+ Diện tích 202m<sup>2</sup> đất (ghi thửa số 225C); trong đó, có 50m<sup>2</sup> đất ở, 152 m<sup>2</sup> đất vườn; kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 7A, 9, 10. Trên đất có các tài sản gồm: 02 gian nhà Nng dưới (bếp + chứa đồ) ngói đỏ, cửa gỗ tạp nền đất diện tích 28,7m<sup>2</sup>; 01 lối đi lợp tôn mạ màu 08m<sup>2</sup>; 01 gian nhà tấm lợp tấm đan bê tông diện tích 1,5m<sup>2</sup>; 01 nhà vệ sinh mái tôn proximăng 03m<sup>2</sup>; 01 bể nước; tường bao và một số cây cối trên đất;

+ Diện tích 338m<sup>2</sup> đất (ghi thửa số 225B); trong đó, có 50m<sup>2</sup> đất ở, 288 m<sup>2</sup> đất vườn; kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 18, 19, 20, 5, 6, 7, 7A, 18. Trên đất có các tài sản gồm: Tường bao xây gạch ba banh, một số cây cối như cau, hồng, bưởi xoài, me.

1.2. Ông Đàm Văn L được qUền quản lý, sử dụng diện tích đất là 540m<sup>2</sup>; trị giá là 3.780.000.000 đồng, trong đó có:

+ Diện tích 290m<sup>2</sup> đất (ghi thửa số 225D); trong đó, có 50m<sup>2</sup> đất ở, 240 m<sup>2</sup> đất vườn; kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 9, 7A, 7, 8, 9. Trên đất có tài sản gồm: 01 nhà cấp bốn 03 gian ngói xi măng, trần nhựa, nền láng xi măng, cửa gỗ tạp xây năm 1973 diện tích 53m<sup>2</sup>; tường bao xây gạch ba banh; một số cây cau, xoài, hồng, bưởi, na, khế.

+ Diện tích 250m<sup>2</sup> đất vườn (ghi thửa số 225A); trong đó, có 50m<sup>2</sup> đất ở, 200 m<sup>2</sup> đất vườn; kích thước, mốc giới được xác định bởi các điểm: 1, 2, 3, 4, 5, 20, 1. Trên thửa đất có tường bao, một số cây như cau, mít, vải trị, chuối, na.

*(Có sơ đồ đo vẽ kèm theo)*

1.3. Các đương sự có qUền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm qUền để thực hiện việc kê khai, điều chỉnh biến động và cấp giấy chứng nhận qUền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia theo qU định của pháp luật. Ông Đàm Văn L là người đang quản lý bản gốc Giấy chứng nhận qUền sử dụng đất có nghĩa vụ nộp Giấy chứng nhận qUền sử dụng đất cho cơ quan nhà nước để thực hiện các trình tự thủ tục theo qU định của pháp luật.

2. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân hUện TN, thành phố Hải Phòng về yêu cầu thờ cúng liệt sĩ của ông Đàm Văn T.

Các đương sự có qUền liên hệ và yêu cầu Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng xem xét, giải qUết về qUền thờ cúng liệt sĩ Đàm Văn B1 theo qU định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đàm Văn T và ông Đàm Văn L.

- Ông Đàm Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP.Hải Phòng;
- TAND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Vân Thúy**